

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*"V/v ly hôn, tranh chấp về con chung
giữa bà H1 và ông H"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Hảo

2. Ông Nguyễn Trung Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về con chung giữa bà H1 và ông H” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1; Sinh năm: 1982; trú tại: xóm T 1, xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An - có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Văn H2; Sinh năm: 1966; trú tại: xóm T 1, xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 09 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Trần Thị H1 trình bày:

Bà H1 kết hôn với ông H2 là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 12 tháng 03 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm

2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau, ông H2 lập trường không vững vàng hay nghi ngờ bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng sống ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H1 thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 bà giữ nguyên yêu cầu, xin được ly hôn với ông H2, yêu cầu Tòa án giải quyết để bà sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19/01/2017 quá trình vợ chồng sống ly thân con chung ở với bà. Ông H sau khi bị tai nạn nên khả năng đi lại bị hạn chế, con chung còn nhỏ và là con gái nên vợ chồng ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông H2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung: Bà và ông H2 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không có khoản nợ nào chung.

Tại phiên tòa ông Đinh Văn H2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết ông H2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như bà H1 trình bày là đúng. Theo ông, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 9 năm 2017 sau khi ông bị tai nạn thì mới bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà H1 không rõ ràng với ông về chuyện tiền bạc nên thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau. Đến tháng 8 năm 2021 thì bà H1 đưa con chung ra ngoài sinh sống, ông và bà H1 đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Theo ông những mâu thuẫn giữa ông và bà H1 chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình, chưa đến mức trầm trọng và bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà H1 nên bà H1 xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19/01/2017. Nếu phải ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành, còn nếu bà H1 gửi con về ông bà ngoại (bố mẹ của chị H1) nuôi dưỡng thì ông không đồng ý và ông sẽ trực tiếp nuôi con và yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng ông mỗi tháng 1.400.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông và bà H1 không có tài sản gì chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông và bà H1 không có khoản nợ nào chung.

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho ông H2 và ông H2 vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà H1 và ông H2 cư trú được chính quyền địa phương cung cấp: Bà H1 và ông H2 kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có đăng ký hộ khẩu tại xóm T 1, xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào ban cán sự xóm không rõ. Hiện tại bà H1 và con đã dọn ra ngoài sống riêng. Bà H1 và ông H2 có một con chung là Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19/01/2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; việc thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa bà Trần Thị H1 và ông Đinh Văn H2. Về con chung: Giao con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19/01/2017 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H2 do bà H1 không yêu cầu. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà Trần Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H1 có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Đinh Văn H2. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì ông H2

có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T 1, xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nguyên đơn, bị đơn để công khai chứng cứ, hòa giải, hai bên đều có mặt để thực hiện nhưng các bên đương sự không thống nhất được về nội dung giải quyết vụ án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ 2 cho ông H2, tuy nhiên ông H2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm: Bà Trần Thị H1 và ông Đinh Văn H2 đều thống nhất là vợ chồng kết hôn ngày 12/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, không do ai ép buộc. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà H1 sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đã sống ly thân từ đầu tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần, phân tích hậu quả của việc ly hôn nhưng bà H1 khẳng định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H1 được ly hôn ông H2. Bị đơn ông Đinh Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông H2 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn tình cảm với bà H1 và mong muốn được quay về đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H1 và ông H2 hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương hiện bà H1 và ông H2 hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, có thể khẳng định hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H1 được ly hôn với ông H2 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Bà H1 và ông H2 thống nhất vợ chồng có một con chung, ly hôn bà H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án ông H2 cũng đồng ý giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Vì vậy, giao con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H1 không yêu cầu ông H2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H1 và ông H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của Việt kiểm sát nhân dân thành phố V thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị H1:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H1 và ông Đinh Văn H2.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H2, do bà H1 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H1 đã nộp theo Biên lai thu số 0009637 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP V;
- Chi cục THADSTP V;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hưng H, TP V
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THẨM**

Lê Thị Thúy

